

TỈNH ỦY HÀ NAM

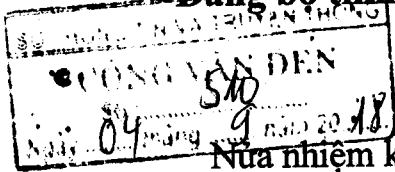
Số 235*
-BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nam, ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

**Kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội
Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy**



Nửa nhiệm kỳ vừa qua, Đảng bộ tỉnh Hà Nam triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX trong bối cảnh có nhiều thuận lợi: Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, phù hợp với thực tiễn; kinh tế trong nước ổn định và đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn dự báo; lạm phát được kiểm chế; quốc phòng, an ninh được giữ vững; nhiều vụ việc tham nhũng kinh tế lớn được phát hiện, xử lý nghiêm, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng,.... Kinh tế trong tỉnh giữ nhịp độ tăng trưởng cao; những kết quả đạt được của giai đoạn 2010 - 2015 đã tác động tích cực, tạo đà quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, ban hành nhiều chương trình hành động, nghị quyết chuyên đề mang tính đột phá và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt.

Bên cạnh đó, cũng còn nhiều khó khăn, thách thức, yếu tố bất lợi nảy sinh so với dự báo đầu nhiệm kỳ; nguồn vốn ngân sách dành cho đầu tư phát triển ngày càng thắt chặt; tình hình thiên tai, thời tiết, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường; giá cả hàng hóa, đặc biệt là giá các sản phẩm nông sản có thời điểm giảm mạnh; tình hình an ninh chính trị thế giới và khu vực, tình hình biển Đông diễn biến phức tạp; an ninh trật tự, đơn thư, khiếu nại, tố cáo, ô nhiễm môi trường, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm,... đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ cần tập trung giải quyết.

Song, với tinh thần đổi mới, năng động, sáng tạo, quyết tâm cao, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phát huy đoàn kết, dám nghĩ, dám làm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tiềm năng, lợi thế và sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và đạt được nhiều kết quả nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIỮA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX

A- ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

I- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu: (ước thực hiện đến hết năm 2018)

Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 14/28 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra; trong đó, một số chỉ tiêu quan trọng đã hoàn thành vượt như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân; thu ngân sách; giá trị xuất khẩu; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ; giải quyết việc làm mới; tỷ lệ dân số có BHYT,... Kết quả cụ thể các chỉ tiêu chủ yếu (Phụ lục 1 kèm theo).

II- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

1- Các lĩnh vực kinh tế

1.1- Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, tập trung xây dựng nông thôn mới theo hướng hiệu quả, bền vững

Giá trị sản xuất nông nghiệp 3 năm ước đạt 23.288 tỷ đồng, tăng bình quân 1,1%/năm. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Chăn nuôi - thủy sản chiếm 50,7%; dịch vụ 8,3%; trồng trọt - lâm nghiệp 41%

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU về đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến 2035; các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp¹ (Phụ lục 2 và Kết luận số 92-KL/TU, ngày 20/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy kèm theo). Trong đó một số kết quả nổi bật đã đạt được đó là: Tích cực xây dựng, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các hợp tác xã vệ tinh, các mô hình sản xuất theo chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản. Giá trị sản xuất trong các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu sản xuất ngoài trời đạt 1.200 triệu đồng/ha/năm, khu trong nhà kính đạt 4.500 triệu đồng/ha/năm. Đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm². Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi lợn, bò sữa, bò thịt, bò sinh sản, theo quy hoạch; đến ngày 30/6/2018, toàn tỉnh có 3.106 con bò sữa; đang tập trung tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách để Công ty Cổ phần sữa Việt Nam đầu tư trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Thanh Nguyên huyện Thanh Liêm với quy mô 4.000 con.

Chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị

¹ 09 Chương trình, Đề án: Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, Đề án ứng dụng một số giống cây trồng mới, Đề án phát triển chăn nuôi bò sinh sản bò thịt chất lượng cao, Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa, Đề án phát triển sản xuất các khu nuôi trồng thủy sản tập trung, Đề án ứng dụng phân bón vi sinh Power Ant trên cây lúa,...

² Công ty VinEco đã tổ chức khảo sát được 40 HTX, nhóm hộ, hộ nông dân, đã ký kết hợp đồng liên kết được với 24/40 hộ; kết quả có 5/24 hộ, cơ sở sản xuất nông sản sạch đưa 75,6 tấn sản phẩm lên kệ tại hệ thống siêu thị Vinmart, giá bán tăng từ 15-25% so với giá bán tại địa phương; công ty Vinaseed hàng tháng cung cấp cho hệ thống siêu thị Vinmart từ 100 - 150 tấn gạo chất lượng cao...

trường tiêu thụ nông sản³. Thu hút các doanh nghiệp về nghiên cứu, đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁴. Triển khai xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch Hà Nam theo tiêu chuẩn VietGap⁵. Tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu của sản xuất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ⁶.

Phong trào xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh; tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi, hệ thống đường giao thông, đường trục chính nội đồng⁷; các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống người dân nông thôn; bảo vệ môi trường nông thôn... Trong 2 năm 2016 - 2017 toàn tỉnh có thêm 45 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM hết năm 2017 lên 78/98 xã; số tiêu chí đạt chuẩn bình quân toàn tỉnh là 17,02 tiêu chí/xã. Đến nay, 02/6 huyện, thành phố đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (Duy Tiên, Kim Bảng); tập trung rà soát, chỉ đạo huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2018.

1.2- Tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, duy trì phát triển công nghiệp với tốc độ cao

Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp 3 năm ước đạt 236.944 tỷ đồng, tăng bình quân 14,4%/năm. Các sản phẩm chủ lực, có thế mạnh của tỉnh tăng trưởng khá. Tỷ lệ GTSX công nghiệp trong các khu công nghiệp hết năm 2018 ước đạt 78,2% trong tổng GTSX công nghiệp toàn tỉnh.

Lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến chế tạo tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững⁸ (*Phụ lục 3 và Kết luận số 87-KL/TU, ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 04 của Tỉnh ủy kèm theo*). Trong đó đã đạt được một số kết quả nổi bật:

³ Tham gia nhiều Hội chợ, các đoàn xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản: Sự kiện Trái cây vùng miền, Hội chợ Kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp Quốc tế lần thứ 17 tại TP Hồ Chí Minh, Hội chợ sản phẩm công, nông nghiệp, du lịch Đồng bằng sông Hồng tại tỉnh Ninh Bình...

⁴ Công ty VinEco, công ty Vinaseed, Vinamilk, DABACO, Công ty CP Nông nghiệp công nghệ cao Phù Vân, Công ty CP Giồng cây trồng Trung ương, Công ty CP Tổng công ty Giồng cây trồng con nuôi Ninh Bình, Công ty TNHH Bejo Việt Nam, Công ty TNHH T&T;...

⁵ Có 3 thương hiệu sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGap là chuỗi ngự Đại Hoàng, cá kho Nhân Hậu và bánh đa nem làng Châu, dự kiến trong thời tới có thêm 2 thương hiệu (*gà móng Tiên Phong, lợn sạch Ngọc Lũ*)

⁶ Đến nay, tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa ở khâu làm đất đạt 100%, khâu thu hoạch đạt trên 80%, khâu gieo trồng đạt 40% diện tích, khâu bảo quản chế biến đạt 31,26%

⁷ Xây mới và nâng cấp được 749 phòng học các cấp, nâng tổng số phòng học được xây mới, nâng cấp đưa vào sử dụng hết năm 2017 là 2.759 phòng; nâng cấp và xây mới đưa vào sử dụng 10 nhà văn hóa xã, 82 nhà văn hóa thôn, xóm nâng tổng số hết năm 2017 là 42 nhà văn hóa xã, 397 nhà văn hóa thôn, xóm. Các địa phương đã cứng hóa 455 km đường trục chính nội đồng, nâng tổng số đường trục chính nội đồng được cứng hóa trên 950 km/1.008 km; làm mới trên 60 km đường giao thông nông thôn, nâng tổng số đường giao thông nông thôn lên gần 1.900 km

⁸ Tỷ lệ giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ trong tổng giá trị SXCN tăng dần, từ 19,2% năm 2016 lên 19,7% năm 2017, năm 2018 ước đạt 21,6% (*mục tiêu Nghị quyết đến 2020 đạt 25%*); tỷ lệ GTSXCN chế biến năm 2016 đạt 12,3%, năm 2017 đạt 11,7%, ước năm 2018 đạt 13,2% (*mục tiêu đến 2020 đạt 17,3%*); tỷ lệ GTSXCN chế tạo năm 2016 đạt 12,9%, năm 2017 đạt 14,7%, ước năm 2018 đạt 15,6% (*mục tiêu đến 2020 chiếm 18,5%*).

- Tập trung rà soát, hoàn thiện Quy hoạch điều chỉnh các khu công nghiệp⁹, dồn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng đồng bộ các KCN phục vụ thu hút đầu tư; đến nay đã có 06/08 KCN đã được triển khai đầu tư, tỷ lệ lấp đầy trong các KCN bình quân đạt 87,65%¹⁰.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, thu hút đầu tư; rà soát, bổ sung và vận dụng các cơ chế chính sách cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Từ đầu năm 2016 đến tháng 6/2018, trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 265 dự án đầu tư (trong đó 78 dự án FDI và 187 dự án trong nước); điều chỉnh tăng vốn cho 168 dự án với tổng vốn đầu tư tăng thêm 1.294,5 triệu USD và 58.330,8 tỷ đồng.

- Tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ: Duy trì thực hiện nghiêm 10 cam kết của tỉnh với các nhà đầu tư¹¹; tăng cường nắm tình hình, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh¹². Tích cực đầu tư phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông tạo liên kết vùng, liên kết các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy để đáp ứng nhu cầu đi lại cũng như khai thác vận chuyển hàng hóa.

- Tăng cường quản lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế, phát huy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, của các cụm công nghiệp: Quản lý nghiêm việc thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; xử lý các nhà đầu tư, doanh nghiệp vi phạm quy định về sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường. Quan tâm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh¹³. Tập trung chỉ đạo hoàn thiện hạ tầng đặc biệt là hạ tầng điện, nước sạch, xử lý nước thải,...¹⁴. Đẩy mạnh phát triển tiêu thụ công nghiệp, làng nghề, xây dựng thương hiệu sản phẩm; hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

1.3- Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, trọng tâm là thực hiện mục tiêu đưa Hà Nam trở thành trung tâm dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về y tế, giáo dục đào tạo, du lịch

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội 3 năm ước đạt 58.378 tỷ đồng, tăng bình quân 15,8%/năm, vượt mục tiêu Đại hội. Hoạt động

⁹ Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển các KCN tỉnh Hà Nam đến năm 2020” với tổng diện tích các KCN được bổ sung thêm là 760 ha, nâng tổng diện tích quy hoạch phát triển KCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 lên thành 2.534ha. Hoàn thành quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 KCN Đồng Văn III mở rộng và KCN Đồng Văn IV; quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất dành riêng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại KCN Đồng Văn III; khu dịch vụ, nhà ở công nhân KCN Đồng Văn IV.

¹⁰ Tổng diện tích 1.211,8 ha; trong đó diện tích đất công nghiệp là 877,2 ha; diện tích đất đã cho các doanh nghiệp thuê là 768,9ha

¹¹ Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ doanh nghiệp khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025”; Tăng cường đầu tư xây dựng và nâng cấp cải tạo trạm biến áp, lưới điện theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh

¹² Tổ chức nhiều Hội nghị doanh nghiệp và một số Hội nghị chuyên đề (Hội nghị bàn các giải pháp nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ doanh nghiệp KCN; Hội nghị bàn giải pháp cung cấp điện ổn định cho các doanh nghiệp, Hội nghị về lao động KCN, Hội nghị xử lý ngập úng KCN Đồng Văn....).

¹³ Các DN trong các CCN đã thu hút gần 12.000 lao động (tăng hơn 3000 lao động so với 2015) với thu nhập bình quân 4,0 - 4,5 triệu đồng/người/tháng (tăng 1 triệu đồng so với năm 2015); nộp ngân sách năm 2016 đạt 198,732 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2015, năm 2017 đạt 317,35 tỷ đồng, tăng 59,7% so với năm 2016.

¹⁴ Trong số 17 CCN đang hoạt động có 10 CCN đã và đang tiến hành lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch (tăng 3 CCN so với năm 2015), 2 CCN đã và đang xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung, có 8 CCN vận hành hệ thống chiếu sáng (tăng 4 CCN so với năm 2015).

xuất khẩu phát triển mạnh; kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 3 năm ước đạt 5.824,6 triệu USD, tăng bình quân 29,7%/năm. Các hoạt động dịch vụ về giao thông vận tải, điện, nước, thông tin truyền thông, dịch vụ tài chính tín dụng, xử lý nước thải, chất thải cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội¹⁵.

Tích cực chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về y tế, đào tạo nguồn nhân lực và du lịch (*Phụ lục 4 và Kết luận số 97-KL/TU, ngày 17/07/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy kèm theo*). Trong đó một số kết quả nổi bật đã đạt được đó là:

- Tập trung huy động, tranh thủ tối đa các nguồn lực; đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại - dịch vụ, các dự án trọng điểm, đặc biệt là Khu trung tâm Y tế chất lượng cao, Khu Đại học Nam Cao, Khu du lịch Tam Chúc và hạ tầng kết nối; các dự án cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức, các Trường Đại học, cao đẳng đã có chủ trương đầu tư tại tỉnh,...; hoàn thành, đưa vào vận hành, khai thác kinh doanh dự án Khách sạn Mường Thanh - Hà Nam; Tổ hợp thương mại - dịch vụ tổng hợp Vincom Hà Nam, sân Golf Ba Sao,... Trình Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án sân golf Tượng Lĩnh.

- Tiếp tục rà soát, vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Chuẩn bị sẵn mặt bằng sạch, tăng cường thu hút, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp trên địa bàn, đặc biệt là các khu vực dọc các tuyến đường trục lớn, khu trung tâm y tế chất lượng cao, các vị trí có lợi thế¹⁶.

- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch gắn kết hợp tác với các tỉnh trong vùng để phát triển du lịch theo tuyến. Hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Tam Chúc.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát giá cả, chất lượng hàng hóa. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, tư nhân hóa các dịch vụ công nhà nước không cần nắm giữ, chi phối¹⁷.

¹⁵ Giai đoạn 2016- 2018, khối lượng hàng hoá luân chuyển tăng bình quân 12%/năm, khối lượng hành khách luân chuyển tăng bình quân 10%/năm. Năm 2017 số máy điện thoại đạt 106,44 thuê bao/100dân; số thuê bao ADSL bình quân đạt 9,9 thuê bao/100 dân. Dự kiến đến hết năm 2018, huy động vốn đạt 32.026 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2017; tổng dư nợ tín dụng đạt 32.288 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2017; tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,77%, đảm bảo chất lượng tín dụng

¹⁶ Đã thu hút dự án xây dựng bệnh viện dự kiến quy mô 200 giường bệnh của Từ Dũ, IUZAVKAI (Nhật Bản), BV Nhi Trung ương... tại Khu y tế chất lượng cao,

¹⁷ Đã thực hiện bán đấu giá cổ phần vốn Nhà nước tại 4 doanh nghiệp với tổng số tiền thu được là 33.985.262.600 đồng. Sắp xếp tổ chức lại, giải thể, thành lập mới các Công ty có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Đấu thầu khai thác một số dịch vụ công, tư nhân hóa các dịch vụ công Nhà nước không cần nắm giữ.

1.4- Chú trọng công tác quy hoạch; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư - xây dựng

Tổng vốn đầu tư phát triển thu hút trên địa bàn giai đoạn 2016-2018 dự kiến đạt 122.600 tỷ đồng, bằng 69,2% mục tiêu Đại hội; trong đó vốn thực hiện dự kiến đạt 73.323,3 tỷ đồng.

Tích cực rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa phương, đảm bảo quy hoạch đi trước một bước, là tiền đề quan trọng để thực hiện các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn 2016 - 2018, đã điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Quy hoạch một số ngành, lĩnh vực: Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Phủ Lý, điều chỉnh quy hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại, Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh...; lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu có chức năng quan trọng¹⁸,...

Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn xã hội hóa, các nguồn lực từ đất. Tăng cường quản lý đầu tư công theo các quy định của pháp luật. Đôn đốc tiến độ thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy nhanh tiến độ GPMB, thi công, giải ngân các dự án, trọng tâm là các dự án trọng điểm¹⁹.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU về xây dựng và phát triển thành phố Phủ Lý đến 2020, tầm nhìn đến 2030 (*Phụ lục 5 và Kết luận số 93-KL/TU, ngày 25/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy kèm theo*) đạt được nhiều kết quả nổi bật:

- Kinh tế - xã hội của thành phố phát triển nhanh, bền vững, nhất là tăng trưởng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ; thu ngân sách tăng cao, bình quân 22,61%/năm, GRDP bình quân đầu người đạt 105,45 triệu đồng/năm.

- Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư - xây dựng hạ tầng khung, trọng tâm là thực hiện các dự án chỉnh trang nâng cấp đô thị, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội (*đường, cầu, thiết chế văn hoá, trường học, cải tạo, nâng cấp hạ tầng các khu đô thị cũ*), các dự án hạ tầng đô thị...

- Triển khai xây dựng, thực hiện nhiều chương trình, đề án, phong trào xây dựng nếp sống văn minh đô thị; tăng cường quản lý trật tự đô thị đạt nhiều kết quả tích cực, tạo chuyển biến rõ rệt; cơ bản đáp ứng yêu cầu tiêu chí Đô thị loại II.

Tích cực triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, Chương trình phát triển nhà ở. Tập trung phát triển đô thị Duy Tiên đủ điều kiện đề nghị thành lập Thị xã trực thuộc tỉnh.

1.5- Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường; nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất.

¹⁸ Hoàn thành 2 đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, 12 đồ án quy hoạch chung xây dựng, 07 đồ án quy hoạch phân khu, khu chức năng đặc thù và nhiều quy hoạch chi tiết xây dựng

¹⁹ ĐT 495B, đường 68m, Dự án đô thị Phủ Lý sử dụng vốn vay WB, đường nối hai cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình và Hà Nội-Hải Phòng, Khu du lịch Tam Chúc, các dự án tu bổ đê, kè, cung cấp nước sạch nông thôn, Khu Đại học Nam Cao, ...

Tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm các chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy về công tác quản lý đất đai - khoáng sản - môi trường²⁰.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh; xây dựng, triển khai Đề án thí điểm cơ chế tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp tập trung. Đẩy mạnh công tác chuẩn hóa hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất trong khu dân cư, tỷ lệ cấp đạt 97,3%.

Tăng cường quản lý khai thác, chế biến khoáng sản theo đúng các quy định của pháp luật²¹. Kiểm soát chặt chẽ việc đo hiện trạng mỏ. Triển khai thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước.

Chỉ đạo quyết liệt thực hiện công tác quản lý thu gom, xử lý chất thải rắn, thực hiện Đề án tổng thể giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực phía Tây sông Đáy địa bàn các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng; giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân về môi trường như: ô nhiễm môi trường chăn nuôi, xử lý chất thải y tế, rác thải đô thị và nông thôn, ô nhiễm tại các làng nghề,...

Chú trọng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong từng ngành, lĩnh vực. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp²². Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chuyển giao công nghệ và đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp...

1.6- Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo tăng thu ngân sách bền vững, chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả

Triển khai kịp thời, quyết liệt các giải pháp về thu ngân sách theo Nghị quyết HĐND tỉnh và Nghị quyết của Chính phủ, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp duy trì, nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo tăng thu bền vững; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế và các hoạt động buôn lậu...; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về nghĩa vụ tài chính.

Giai đoạn 2016 - 2018, thu cân đối ngân sách Nhà nước tăng bình quân 27,7%/năm, vượt cao so mục tiêu Đại hội. Năm 2018, thu cân đối ngân sách ước đạt 7.209,4 tỷ đồng, đạt 102,4% mục tiêu Đại hội (*đến năm 2020 đạt 7.040 tỷ đồng*). Tỷ lệ thu ngân sách/GRDP năm 2018 đạt 16,5%, vượt mục tiêu Đại hội (*mục tiêu đến 2020 đạt 9,68%*).

Đảm bảo các khoản chi theo dự toán gắn với việc triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng; đặc biệt ưu tiên nguồn chi lương và các chế độ chính sách, các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

²⁰ Chỉ thị số 10-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quản lý hoạt động khoáng sản gắn với BVMT và kết cấu hạ tầng giao thông, Chỉ thị số 11-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 12/6/2018 về công tác quản lý thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 16-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác chuẩn hóa hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh; các Kết luận số 47, 48, 53 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khoá XIX,...

²¹ Đến hết năm 2017, trên địa bàn tỉnh có 98 dự án được UBND tỉnh cấp phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực với 98 điểm mỏ, tổng số mỏ được cấp phép khai thác thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 09 mỏ.

²² Đã triển khai thực hiện 12 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần phát triển các giống cây trồng mới, vật nuôi mới, các sản phẩm truyền thống đặc sản của địa phương...

2- Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, đáp ứng nhu cầu của nhân dân

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hà Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng nông thôn mới, xây dựng thiết chế văn hoá tiếp tục được triển khai sâu rộng và đạt kết quả tốt²³. Tổ chức và quản lý tốt các lễ hội trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của nhân dân. Phong trào Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại tiếp tục được đẩy mạnh²⁴. Tích cực chuẩn bị các điều kiện tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao tỉnh Hà Nam lần thứ V năm 2018.

Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tích cực đa dạng hóa, áp dụng nhiều kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, đặc biệt tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh²⁵. Thành lập và đưa vào hoạt động Bệnh viện Sản Nhi tỉnh. Chăm lo đào tạo nhân lực ngành y tế, nâng cao chất lượng y tế cơ sở đáp ứng nhu cầu chăm sóc, khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân²⁶.

Chú trọng phát triển giáo dục đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục²⁷. Thực hiện tốt phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở theo hướng tăng tỷ lệ học sinh vào học ở các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp²⁸. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục mũi nhọn ở thứ hạng cao²⁹. Giữ vững và đẩy mạnh thực hiện xây dựng trường chuẩn Quốc gia³⁰. Thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho trường Đại học Thương mại, Đại học Sư phạm Hà Nội thành lập phân hiệu và đi vào hoạt động. Thành lập trường Tiểu học, THCS, THPT Nguyễn Tất Thành trực thuộc Đại học Sư phạm phân hiệu Hà Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XVIII) về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Nam đến năm 2020; quan tâm công

²³ Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có toàn tỉnh có 66/116 xã, có nhà văn hóa độc lập (đạt 56,89%); 1.061 thôn, làng, tổ phố có nhà văn hóa độc lập và nhà văn hoá liên tổ (đạt 85,98%), có 74 thôn, làng tổ phố sinh hoạt ở đình, chùa nâng tổng số thôn, làng, tổ phố có nhà văn hóa và nơi sinh hoạt cộng đồng, đạt 91,97%.

²⁴ Tính đến hết năm 2017, tỷ lệ người tập thể thao thường xuyên đạt 29,9% (Nghị quyết ĐH: đến năm 2020, 31,2%), tỷ lệ gia đình thể thao đạt 23,7% (Nghị quyết ĐH, đến năm 2020 có 23,8%)

²⁵ Kỹ thuật mổ nội soi; chạy thận lọc máu chu kỳ; chụp cộng hưởng từ; đặc biệt đã trang bị máy chụp mạch và can thiệp tim mạch.

²⁶ Đến hết năm 2018, tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ ước đạt 79,3%; số xã, phường đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế khoảng 92,2%

²⁷ Phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, phổ cập xoá mù chữ mức độ 2.

²⁸ Năm học 2015-2016 đạt 16,35%, năm học 2016-2017 đạt 14,48%, năm học 2017-2018 đạt 12,5%.

²⁹ Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đứng trong top 5 toàn quốc (2015-2015 đạt 96,7%, 2016-2017 đạt 98,85%). Thi học sinh giỏi quốc gia đứng trong top 20 và nhiều năm có học sinh đạt giải nhất (năm 2016 đạt 46 giải, trong đó có 6 giải nhì, 17 giải ba, 2 học sinh lọt vào vòng dự thi đội tuyển Olympic quốc tế; năm 2017 đạt 42 giải, trong đó 01 giải nhất, 3 giải nhì, 1 học sinh lọt vào vòng dự thi đội tuyển Olympic quốc tế; năm 2018 đạt 47 giải, trong đó có 8 giải nhì, 3 học sinh lọt vào vòng dự thi đội tuyển Olympic quốc tế).

³⁰ Đến tháng 6/2018, vẫn giữ vững chuẩn Quốc gia của 100% trường tiểu học và có 94/119=79% trường mầm non, 92/118=78% trường THCS, 13/23=56,5% trường THPT đạt chuẩn Quốc gia.

tác đào tạo nghề nhất là đối với lao động nông thôn³¹, đào tạo theo địa chỉ, theo nhu cầu của doanh nghiệp³². Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2018 ước đạt 63%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ bằng cấp là 51%.

Xây dựng, triển khai các mô hình giảm nghèo bền vững, nhất là tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập, chống tái nghèo; gắn công tác giảm nghèo với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 0,89%/ năm, đến năm 2018 giảm còn 3,14%. Thường xuyên quan tâm, chỉ đạo giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội³³.

Quan tâm, giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội³⁴. Chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch hỗ trợ nhà ở cho đối tượng người có công, hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, phấn đấu hoàn thành mục tiêu về nhà ở cho các đối tượng trên trong năm 2020³⁵. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn³⁶; mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến hết năm 2018 ước đạt 87,5%, vượt mục tiêu Đại hội.

3- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan đơn vị giai đoạn 2016-2020; xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, năng động, phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp. Đây là 2 trong 3 khâu đột phá được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

Thành lập, đưa Trung tâm hành chính công tỉnh và 4 huyện, thành phố vào hoạt động từ quý III/2017. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đã được áp dụng đến 100% đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và hơn 70/116 đơn vị cấp xã. Đẩy mạnh thực hiện thí điểm phân cấp một số nội dung cho huyện, thành phố, sắp xếp bộ máy sở, ngành, gắn với tăng cường kiểm tra, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là người đứng đầu. Thực hiện sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sắp xếp, thành lập các Ban Quản lý dự án trên địa bàn tỉnh³⁷.

Thường xuyên chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị; xây dựng và tổ chức thực hiện Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh và các dịch vụ công phục vụ trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Hiện đã có 110 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; 1.538 dịch vụ công trực tuyến mức độ

³¹Trong 2 năm 2016, 2017 đào tạo được 37.232 người, kế hoạch năm 2018 đào tạo 20.000 người; đào tạo nghề nông thôn 2 năm 2016-2017 là 5.502 người.

³² Hoàn thành chỉ tiêu đào tạo 1.000 lao động ngành công nghiệp hỗ trợ cho doanh nghiệp Nhật Bản

³³Giai đoạn 2016-2018, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 17.837 lao động; giải quyết việc làm thêm cho 20.850 người. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, giai đoạn 2016-2018 đã xuất khẩu được 3.139 lao động.

³⁴Thực hiện điều dưỡng người có công được 27.986 lượt người với tổng kinh phí 38,5 tỷ đồng. Thẩm định, xét duyệt 20.383 hồ sơ người có công các loại. Mua và cấp 39.237 thẻ BHYT cho người nghèo.

³⁵ Đã hỗ trợ nhà ở cho 754 hộ nghèo theo Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo.

³⁶Tổng số tiền chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp 2016-2018 là 5.850 tỷ đồng.

³⁷ Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp ngành y tế; thành lập, sáp nhập, đổi tên 3 BQL dự án chuyên ngành cấp tỉnh, 6 BQL dự án đầu tư xây dựng cấp huyện, thành phố.

3; 234 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

III- Công tác quốc phòng, an ninh; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được tăng cường, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh về công tác quốc phòng địa phương. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh được triển khai hiệu quả³⁸. Tiềm lực, thế trận quân sự khu vực phòng thủ tỉnh được củng cố, tăng cường. Tổ chức tốt các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện, thành phố, sở, ngành và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, cụm xã gắn với thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn³⁹. Lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ, chất lượng huấn luyện, sức mạnh chiến đấu từng bước được nâng lên. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu, đúng luật, đảm bảo chất lượng⁴⁰.

Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác đảm bảo an ninh trật tự. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu kinh tế, chính trị, các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Chỉ đạo nắm chắc tình hình, đấu tranh có hiệu quả với đối tượng phản động, chống đối chính trị; bắt, xử lý 01 đối tượng tham gia tổ chức khủng bố Việt Tân; làm tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng chống cháy, nổ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng⁴¹. Tai nạn giao thông bình quân mỗi năm giảm trên 5%⁴². Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả, nhất là vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo rà soát, giải quyết các vụ việc, không để tồn đọng; giải quyết kịp thời đơn thư mới phát sinh ngay tại cơ sở, phát hiện và xử lý nghiêm những sai

³⁸ Cán bộ đối tượng 1: 7 đồng chí, đối tượng 2: 91 đồng chí, đối tượng 3: 548 đồng chí, đối tượng 4: 4.625 đồng chí, đối tượng chức sắc chức việc tôn giáo: 186 tín đồ...

³⁹ Tổ chức diễn tập Phòng không nhân dân tỉnh (2016); huyện Lý Nhân diễn tập phòng chống giảm nhẹ thiên tai-tìm kiếm cứu nạn; huyện Bình Lục, Duy Tiên, Phù Lý diễn tập KVPT; Sở GTVT, Y tế diễn tập theo phương án TCPT; huyện Kim Bảng tổ chức diễn tập CĐPT; huyện Kim Bảng tổ chức diễn tập CĐPT cụm xã và 58 xã, phường, thị trấn diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã.

⁴⁰ Đã giao 3.950 thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu.

⁴¹ Triệt phá 102 ổ nhóm tội phạm hình sự, bắt 33 đối tượng. Tỷ lệ điều tra khám phá án hằng năm đều đạt trên 83%; án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 94%; triệt xóa 164 tụ điểm, điểm có dấu hiệu phức tạp về tệ nạn xã hội.

⁴² Năm 2016, xảy ra 148 vụ tai nạn, va chạm giao thông (giảm 08 vụ = 5,13%), chết 87 người (giảm 05 người = 5,43%), bị thương 91 người ((giảm 05 người = 5,2%). Năm 2017, xảy ra 140 vụ tai nạn, va chạm giao thông (giảm 08 vụ = 5,4%), chết 82 người (giảm 05 người = 5,7%), bị thương 86 người ((giảm 05 người = 5,5%), đảm bảo chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội XIX

phạm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần ổn định an ninh trật tự⁴³. Quan tâm, chỉ đạo làm tốt công tác thanh tra trên địa bàn. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý nghiêm cá nhân, tổ chức có sai phạm⁴⁴.

IV- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể nhân dân.

1- Công tác xây dựng Đảng

1.1- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có nhiều đổi mới, theo hướng quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, hướng về cơ sở

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm Chương trình công tác, Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, cụ thể hóa bằng chương trình công tác năm, tháng của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời Quy chế làm việc của cấp uỷ theo quy định của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Quán triệt, triển khai cụ thể hóa kịp thời, nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các nghị quyết Hội nghị Trung ương khoá XII phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Nửa nhiệm kỳ qua, đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo toàn diện trên các lĩnh vực, sát thực tiễn, kịp thời giải quyết những yêu cầu thực tiễn đặt ra⁴⁵ trong đó có 05 nghị quyết chuyên đề mang tính đột phá.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường bám sát cơ sở, đồng thời chú trọng đảm bảo sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp uỷ đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức nhiều hội nghị⁴⁶, kịp thời ban hành nhiều chủ trương, định hướng để giải quyết nhiều vấn đề mới phát sinh, vấn đề thực tiễn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo như về quy hoạch, quản lý đất đai, khoáng sản; tích tụ ruộng đất để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các cơ chế, chính sách; triển khai thực hiện các dự án trọng điểm; tổ chức sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận,... theo chỉ đạo của Trung ương. Tăng cường làm việc trực tiếp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị để nghe, nắm bắt tình hình, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vấn đề nảy sinh, nhất là việc triển khai thực hiện 05 nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; công tác giải phóng mặt bằng; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp... Đặc biệt, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị tạo chuyển biến rõ nét, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên.

⁴³ Từ đầu nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã tiếp 9.868 lượt người; tiếp nhận 263 vụ việc, giải quyết được 235 vụ việc, đạt 89,4%.

⁴⁴ Trong 1/2 nhiệm kỳ, toàn ngành thanh tra đã thực hiện 614 cuộc thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực hành chính và chuyên ngành đối với 10.544 tổ chức, cá nhân. Phát hiện 7.277 tổ chức, cá nhân có sai phạm; tổng sai phạm về kinh tế là 69.079,2 triệu đồng và 561.883 m² đất. Kiến nghị: thu hồi 7.608,5 triệu đồng và 4.538,5m² đất; giảm trừ giá trị thanh toán, quyết toán 5.761,1 triệu đồng; kiến nghị khác 39.684,1 triệu đồng và 557.344,5m² đất. Xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực 1.198 trường hợp với số tiền là 16.025,5 triệu đồng; chuyển cơ quan điều tra 01 vụ việc.

⁴⁵ Ban hành 12 nghị quyết; 21 chỉ thị, 11 thông tri, 97 kết luận và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội

⁴⁶ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã tổ chức 117 hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Sau khi được các Đoàn kiểm tra, giám sát của Trung ương⁴⁷ chỉ ra những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy đã nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm về những khuyết điểm, hạn chế của tập thể và cá nhân; tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp và xây dựng kế hoạch để kịp thời sửa chữa, chấn chỉnh, khắc phục.

Các đồng chí Ban chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bám sát lĩnh vực, đơn vị, địa bàn phụ trách để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, có những định hướng chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương, cơ sở.

1.2- Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng tiếp tục được đổi mới và đạt hiệu quả thiết thực

Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định,... của Trung ương, của tỉnh thông qua việc kết hợp linh hoạt các hình thức học tập, đẩy mạnh hình thức học tập bằng truyền hình trực tiếp, trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở; chú trọng xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết bám sát thực tiễn của từng cấp, ngành, địa phương, đơn vị; đồng thời tăng cường đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện. Công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội từng bước đi vào nền nếp. Công tác lãnh đạo, quản lý hoạt động văn hoá, văn nghệ, báo chí xuất bản được tăng cường, bám sát nhiệm vụ chính trị; chủ động đấu tranh ngăn ngừa, phản bác những quan điểm sai trái, phản động, làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá. Quan tâm công tác giáo dục lý luận chính trị; đào tạo, bồi dưỡng, lý luận, cập nhật kiến thức cho đội ngũ đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp⁴⁸. Chú trọng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng, lịch sử ngành, biên niên sự kiện lịch sử⁴⁹.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong đó tập trung triển khai tổ chức học tập chuyên đề hàng năm và đăng ký nội dung làm theo; xây dựng mô hình điểm về học tập và làm theo Bác⁵⁰; triển khai Cuộc thi viết “Những tấm gương làm theo Bác”; qua đó, tạo chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

1.3- Công tác tổ chức, cán bộ có nhiều đổi mới

Tập trung chỉ đạo cụ thể hoá thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác tổ chức cán bộ, trọng tâm là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn đảng; Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức cơ

⁴⁷ Đoàn công tác số 2 của BCD Trung ương về Phòng chống tham nhũng, Đoàn công tác của Bộ Chính trị về kiểm tra việc kiểm điểm năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đoàn công tác số 725 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

⁴⁸ Trong nửa nhiệm kỳ, toàn tỉnh mở được 25 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 5.206 cán bộ lãnh đạo quản lý từ tỉnh đến cơ sở. Mở 223 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ với tổng số 26.953 học viên.

⁴⁹ Phối hợp tổ chức tốt Hội thảo khoa học: Huyền thoại mười nữ liệt sỹ dân quân pháo phòng không Lam Hạ; Lê Hoàn - quê hương và sự nghiệp...

⁵⁰ Năm 2017, toàn tỉnh có 290 mô hình điểm: 03 mô hình cấp tỉnh, 36 mô hình cấp huyện và 251 mô hình cấp cơ sở. Có 10 tập thể, cá nhân được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 93 tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng cấp tỉnh...

quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; kịp thời chỉ đạo sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác tổ chức cán bộ đảm bảo chất lượng, yêu cầu đề ra⁵¹. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ngày càng thực chất, khắc phục bệnh thành tích⁵²; đánh giá, xếp loại tập thể và cá nhân cán bộ chất lượng ngày được nâng lên, đảm bảo nghiêm túc, sát với kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân, cơ quan, đơn vị⁵³. Công tác quy hoạch cán bộ được chú trọng, triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, phát huy dân chủ; kết quả quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp uỷ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, 2020 - 2025 cơ bản bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu và tỷ lệ theo quy định⁵⁴. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ⁵⁵ và thực hiện chính sách cán bộ. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định của Đảng về giữ mối liên hệ của đảng viên đang công tác với cấp uỷ nơi cư trú. Chủ động nắm tình hình chính trị nội bộ, nâng cao chất lượng công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đặc biệt là nhân sự phục vụ công tác quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử...

Nửa nhiệm kỳ qua (tính đến 31/3/2018), toàn Đảng bộ đã kết nạp được 3.257 đảng viên (đạt 50,1% mục tiêu của cả nhiệm kỳ), trong đó Đoàn viên thanh niên chiếm 72,20%, chất lượng đảng viên được nâng lên. Xét tặng Huy hiệu Đảng cho 13.169 đồng chí đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

1.4- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng được tăng cường, chất lượng, hiệu quả được nâng lên

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã xây dựng Chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa và Chương trình cụ thể cho từng năm; chỉ đạo các tổ chức đảng cấp dưới xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015 - 2020 và kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy

⁵¹ Tổng kết đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổng kết Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;...

⁵² Năm 2016, số tổ chức cơ sở đảng TSVM là 478/577 đạt 82,84%; Năm 2017 là 401/582 đạt 68,90%.

⁵³ Tỷ lệ cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảm dần theo từng năm: Năm 2015 đạt 45,72%; năm 2016 đạt 40,6%; Năm 2017 đạt 14,4%.

⁵⁴ - Nhiệm kỳ 2015-2020: Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh 74 đ/c đạt hệ số 1,45 lần, trong đó nữ 17,6%; độ tuổi từ 31 đến 35 tuổi = 6,8%, từ 36 đến 40 tuổi = 18,9%, từ 41 đến 45 tuổi = 24,3%, từ 46 đến 50 tuổi = 31,1%, trên 50 tuổi = 18,9%; chuyên môn Đại học trở lên = 100%; lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp = 93,2%, trung cấp = 6,8%. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ 19 đ/c đạt hệ số 1,26 lần, trong đó nữ = 10,5%; độ tuổi từ 36 đến 40 tuổi = 10,5%, từ 41 đến 45 tuổi = 31,6%, từ 46 đến 50 tuổi = 36,8%, trên 50 tuổi = 21,1%; chuyên môn Đại học trở lên đạt 100%; lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp đạt 100%.

- Nhiệm kỳ 2020-2025: Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh 99 đ/c đạt hệ số 1,98 lần, trong đó nữ 23,2%; độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi = 1%, từ 31 đến 35 tuổi = 9,1%, từ 36 đến 40 tuổi = 27,3%, từ 41 đến 45 tuổi = 30,3%, từ 46 đến 50 tuổi = 29,3%, trên 50 tuổi = 3%; chuyên môn Đại học trở lên = 100%; lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp = 89,9%, trung cấp = 10,1%. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ 25 đ/c đạt hệ số 1,66 lần, trong đó nữ = 16%; độ tuổi từ 31 đến 35 tuổi = 4%, từ 36 đến 40 tuổi = 20%, từ 41 đến 45 tuổi = 32%, từ 46 đến 50 tuổi = 36%, trên 50 tuổi = 8%; chuyên môn Đại học trở lên đạt 100%; lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 96%, trung cấp = 4%.

⁵⁵ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay toàn tỉnh đã khai giảng 01 lớp cao cấp LLCT với 88 học viên, cử 30 học viên học cao cấp LLCT hệ tập trung; luân chuyển 08 lượt cán bộ (01 Bí thư, 01 Phó bí thư huyện uỷ; 01 chủ tịch UBND huyện, 05 phó chủ tịch UBND huyện, thành phố).

chế, quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng⁵⁶. Hằng năm, thực hiện phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên đối với các tổ chức đảng trực thuộc tỉnh và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp trong tỉnh đã tiến hành kiểm tra 1.198 tổ chức đảng và 1.776 đảng viên⁵⁷; giám sát chuyên đề 1.005 lượt tổ chức đảng và 1.988 lượt đảng viên⁵⁸; với nội dung chủ yếu về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh và nghị quyết của cấp ủy cùng cấp. Cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp và chi bộ thi hành kỷ luật 428 đảng viên với các hình thức: khiển trách 349; cảnh cáo 61; cách chức 08 và khai trừ 10 đảng viên.

1.5- Công tác dân vận được chú trọng, chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” được nâng lên

Kịp thời quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác dân vận đảm bảo chất lượng, hiệu quả⁵⁹. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của chính quyền, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ở cả 03 loại hình: xã, phường thị trấn; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp, trọng tâm là nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện năm dân vận của chính quyền - năm 2018, thực hiện tốt mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, góp phần củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Nắm chắc tình hình tư tưởng nhân dân, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn; tăng cường đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân theo Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị⁶⁰, kịp thời giải quyết những bức xúc, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực, trọng tâm là gắn phong trào thi đua với thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững⁶¹.

⁵⁶ Quy định số 29-QĐ/TW về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 30 - QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong chương 7, chương 8 Điều lệ Đảng; Quy định số 102-QĐ/TW của Bộ Chính trị về xử lý, kỷ luật đảng viên vi phạm;...

⁵⁷ Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 25 tổ chức và 26 đảng viên; cấp ủy cấp huyện và cơ sở kiểm tra 1.173 tổ chức đảng và 1.750 đảng viên.

⁵⁸ Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành 02 cuộc giám sát đối với 04 lượt tổ chức đảng và 22 đảng viên; ban thường vụ các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc và cấp ủy cơ sở giám sát 1.001 lượt tổ chức đảng và 1.966 lượt đảng viên.

⁵⁹ Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư về ban hành “Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Chỉ thị số 18 - CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25 -NQ/TW về công tác tôn giáo”; Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới”; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”....

⁶⁰ Ban hành Hướng dẫn về đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân theo Quyết định số 218-QĐ/TW. Tổ chức Chương trình đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với công nhân lao động và đoàn viên thanh niên

⁶¹ Tổng số mô hình các đơn vị, địa phương đăng ký thực hiện từ đầu nhiệm kỳ đến nay: 4.017 mô hình (tập thể 3.272 mô hình, cá nhân 745 mô hình)

1.6- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng.

Bám sát các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương để ban hành các nghị quyết, chỉ thị và các văn bản lãnh đạo chỉ đạo, phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết các Nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ⁶². Tổ chức rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Chuẩn bị tốt nội dung làm việc với Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương; kịp thời đề ra giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế theo nội dung kiến nghị của Đoàn.

Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định 716-QĐ/TU, ngày 07/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác phối hợp giữa các cơ quan nội chính tỉnh; tăng cường phối hợp nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Cho chủ trương giải quyết đối với một số vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; nắm chắc tình hình xét xử, kịp thời có định hướng đường lối xét xử theo đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản hàng năm đối với các đối tượng thuộc diện phải kê khai theo đúng tinh thần Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ chính trị về đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân theo Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) trên địa bàn tỉnh Hà Nam

2- Hoạt động của HĐND, UBND có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên

Lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh tổ chức tốt Cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021; thực hiện kiện toàn các chức danh lãnh đạo HĐND, UBND các cấp theo quy định; xây dựng Quy chế làm việc và thực hiện nghiêm theo quy chế; tiếp tục chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp thông qua nâng cao chất lượng các kỳ họp, các cuộc tiếp xúc cử tri, các cuộc giám sát, nhất là nội dung kỳ họp của Thường trực HĐND, các ban, tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh. Tập trung đôn đốc, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh; xử lý kịp thời các nội dung phát sinh giữa 2 kỳ họp đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; chỉ đạo giải quyết kịp thời các nội dung, vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, được nhiều cử tri quan tâm, trong đó, tăng cường yêu cầu giải trình, chất vấn, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành liên quan để kịp thời đôn đốc thực hiện.

⁶² Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng pháp luật đến năm 2010 định hướng đến năm 2020; sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” gắn với sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông”; Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 07/7/2007 của Bộ Chính trị về “sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng”;...

Lãnh đạo công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh theo hướng sâu sát, quyết liệt, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời đảm bảo toàn diện, đồng bộ, bám sát nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp điều hành của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy, HĐND và các Chương trình, Đề án, kế hoạch đã ban hành. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra để kịp thời cho định hướng, giải pháp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, kế hoạch đề ra. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, khai thác khoáng sản, môi trường, quản lý doanh nghiệp...; tích cực chỉ đạo thực hiện thí điểm về tập trung, tích tụ ruộng đất phục vụ thu hút đầu tư sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính; tăng cường đầu tư, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp; tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Quan tâm chỉ đạo công tác đảm bảo an sinh xã hội; chỉ đạo nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; nắm tình hình, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, bảo đảm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực

Chú trọng đổi mới, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động đoàn viên hội viên và nhân dân để nâng cao nhận thức về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên, hội viên, người lao động⁶³.

MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội tập trung hướng về cơ sở, đổi mới nội dung hoạt động, tăng cường củng cố tổ chức, thu hút kết nạp thêm hội viên, đoàn viên mới⁶⁴. Các phong trào, cuộc vận động do MTTQ và các đoàn thể phát động đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động và sức lan toả trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền được triển khai thực hiện và dần đi

⁶³ MTTQ các cấp trích từ Quỹ "Vì người nghèo" hỗ trợ xây dựng 537 nhà hộ nghèo với số tiền 13,318 tỷ đồng; hỗ trợ thăm tặng quà tết cho 100% hộ nghèo trên địa bàn với số tiền trên 10 tỷ đồng...Liên đoàn Lao động tỉnh tặng quà 6.184 lượt NLĐ; 40 chuyến xe và 560 vé xe cho công nhân về tết, hỗ trợ xây dựng 19 mái ấm công đoàn. Đoàn Thanh niên các cấp hỗ trợ cho 173 hộ nghèo với số tiền 1 tỷ đồng...

⁶⁴ MTTQ các cấp đã tập hợp, vận động 4.602 người tham gia, số tổ chức thành viên của MT là 33 tổ chức. Hội Nông dân kết nạp mới được 15.037 hội viên; Hội Phụ nữ tỉnh kết nạp mới 3.992 hội viên; Hội CCB tỉnh kết nạp mới 2.493 hội viên; Đoàn Thanh niên kết nạp mới 1.744 đoàn viên, thành lập 18 cơ sở Đoàn trong DN ngoài nhà nước; LĐLĐ thành lập mới 158 công đoàn cơ sở trong DN Ngoài nhà nước, kết nạp được 31.549 đoàn viên

vào nền nếp⁶⁵; tích cực thực hiện nhiệm vụ tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền⁶⁶. Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội của các hội, đoàn thể⁶⁷.

B- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1- Ưu điểm, kết quả đạt được

Nửa nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, song Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, giành nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Kinh tế duy trì ổn định và đạt tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 11,43%/năm, cao hơn so với một số tỉnh trong khu vực và bình quân chung của các nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Thu ngân sách tăng cao. GRDP bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 53,9 triệu đồng/người, gấp 1,27 lần so với năm 2015. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội: Sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến trong việc ứng dụng công nghệ, công nghệ hiện đại vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng; chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Sản xuất công nghiệp, hoạt động xuất khẩu đạt tốc độ tăng trưởng mạnh. Thu hút đầu tư đạt kết quả tốt, nhất là các dự án đầu tư nước ngoài. Thương mại, dịch vụ tiếp tục có bước phát triển mới, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế và đô thị. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ, phục vụ tích cực nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu xã hội; an sinh xã hội được đảm bảo đời sống người dân được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; cải cách tư pháp đạt kết quả tích cực. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Việc tổ chức, triển khai, thực hiện 3 khâu đột phá, đạt kết quả bước đầu: nền sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từng bước được hình thành; tỷ lệ cơ giới hoá, giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác tăng cao. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp giảm rõ rệt. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Năng lực, trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị có nhiều chuyển biến và nâng lên.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể có nhiều đổi mới, ngày càng vững mạnh; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các Nghị quyết Trung ương khoá XII, nhất là Nghị quyết

⁶⁵ Trong 2 năm 2016-2017, đã tổ chức 381 cuộc giám sát theo Quyết định 217 của Bộ Chính trị. Năm 2018, MTTQ tỉnh đã tổ chức phân biện đối với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo NQ Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Hội Nông dân đăng ký phân biện dự thảo Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" tình giai đoạn 2018-2023; Tỉnh Đoàn phân biện Dự thảo Tờ trình và Dự thảo NQ phát triển thanh niên trên địa bàn tỉnh.

⁶⁶ MTTQ đã phối hợp tổ chức 1.154 Hội nghị tiếp xúc cử tri với 85.592 lượt cán bộ, đảng viên nhân dân tham dự, đóng góp 4.850 ý kiến xây dựng đảng về thực hiện Nghị quyết TW4 khoá XII gắn với thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị.

⁶⁷ Đại hội Hội Phụ nữ, Cựu chiến binh, Công đoàn tỉnh, Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ tỉnh

Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền có nhiều đổi mới, sâu sát cơ sở, quyết liệt, kịp thời, chú trọng đến chất lượng, hiệu quả.

2- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1- Tồn tại, hạn chế

** Về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội:*

Trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nghị quyết chuyên đề, nhiệm vụ phát triển kinh tế, một số chương trình, đề án trọng tâm kết quả chưa đạt mục tiêu đề ra, tiến độ còn chậm so với yêu cầu.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội còn đạt thấp, khó hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra (*phấn đấu cao nhất thì đến năm 2020 còn 6 chỉ tiêu sẽ không đạt*) như thu nhập bình quân đầu người; năng suất lao động; tăng trưởng bình quân về nông, lâm nghiệp, thủy sản; tỷ lệ cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung,...

- Số lượng các dự án thu hút đầu tư thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ cao, thiết bị tiên tiến, hiện đại, có thương hiệu còn ít, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư vào một số khu công nghiệp; tiến độ đầu tư các dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (*nhà ở công nhân, chuyên gia, logistics...*) chậm; tiến độ thực hiện dự án của một số doanh nghiệp còn chậm so với cam kết. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số dự án đầu tư chưa cao, mức đóng góp ngân sách thấp.

- Kết quả thực hiện các chương trình, đề án cụ thể hoá phát triển nông nghiệp còn hạn chế. Tiến độ thực hiện đề án phát triển chăn nuôi bò sữa chưa đạt so với mục tiêu và chỉ tiêu hàng năm cả về tổng đàn và sản lượng sữa; chỉ tiêu đàn bò thịt chất lượng cao, đàn dê chưa đạt kế hoạch; việc triển khai mô hình sản xuất nông sản sạch làm vệ tinh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chậm so với yêu cầu; việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp còn rất hạn chế; chưa có liên kết chuỗi chặt chẽ, đặc biệt yếu ở khâu chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Việc triển khai, cụ thể hoá Quy hoạch phát triển nông nghiệp tinh vào quy hoạch chi tiết vùng huyện, xã chậm.

- Tăng trưởng thương mại, dịch vụ còn chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của tỉnh. Các dự án trọng điểm để thực hiện mục tiêu đưa Hà Nam trở thành trung tâm dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về y tế, giáo dục tiến độ chậm, nhiều khó khăn nảy sinh.

- Công tác giải phóng mặt bằng, thi công, giải ngân một số dự án chậm; nợ đọng xây dựng cơ bản còn lớn; giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, khu vực Tây Đáy, môi trường nông thôn, khu, cụm công nghiệp và làng nghề.... còn chưa hiệu quả.

- Chất lượng hoạt động một số lĩnh vực văn hóa - xã hội còn hạn chế. Nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm còn cao. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyển biến chậm. Chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu. Một số doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Thực hiện cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính có mặt còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; một số chỉ tiêu, mục tiêu về cải cách hành chính còn chưa đạt yêu cầu. Chất lượng đội ngũ cán bộ, tính chuyên nghiệp trong thực thi công vụ còn có mặt hạn chế.

** Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị:*

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân; nắm bắt dư luận xã hội có lúc, có việc chưa kịp thời. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trên các lĩnh vực còn hạn chế. Việc định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề phức tạp, bức xúc, mới phát sinh có lúc chưa kịp thời; đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch có việc chưa chủ động.

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng Đề án vị trí việc làm các cấp tiến độ, kết quả còn chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thực hiện luân chuyển cán bộ, chất lượng quy hoạch cán bộ có mặt còn hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trường hợp chưa gắn với yêu cầu, nhiệm vụ đang đảm nhận; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử có trường hợp còn chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng và một bộ phận đảng viên còn yếu; chất lượng sinh hoạt còn hạn chế; công tác phát triển đảng viên ở địa bàn nông thôn, phát triển đảng viên, tổ chức đảng trong doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng kết quả có mặt còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy, tổ chức đảng có nội dung còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, chưa sát với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Việc kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, cán bộ diện cấp ủy quản lý còn chưa nhiều. Việc đôn đốc thực hiện kết luận sau kiểm tra; khắc phục những tồn tại, hạn chế đã chỉ ra sau kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

- Công tác dân vận của chính quyền, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chất lượng, hiệu quả còn hạn chế; nhất là công tác phối hợp trong giải quyết các vụ việc phức tạp, những vấn đề bức xúc của nhân dân có lúc thiếu kịp thời, có nơi chưa chặt chẽ. Hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội còn chưa có nhiều đổi mới; giám sát và phản biện xã hội hiệu quả còn chưa rõ nét. Công tác tuyên truyền, tập hợp đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các phong trào thi đua của đoàn, hội, địa phương kết quả còn hạn chế.

** Lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, an ninh, nội chính:*

- Công tác nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn chưa kịp thời; chỉ đạo giải quyết một số vụ việc, vụ án tham nhũng còn chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao, xử lý một số vụ việc phức tạp liên quan đến an

ninh nông thôn, an ninh tôn giáo có lúc, có việc còn chưa sâu, chưa kịp thời. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với một số loại tội phạm có mặt còn hạn chế. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước tại một số địa phương, một số sở, ban, ngành chưa nghiêm túc, chưa đảm bảo. Tình hình tội phạm, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng và tệ nạn xã hội có thời điểm còn diễn biến phức tạp.

- Một số kết luận thanh tra chưa đi sâu làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân vi phạm; kiến nghị việc sửa đổi những bất cập của cơ chế chính sách trong một số lĩnh vực còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào xử lý kinh tế. Tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh tiềm ẩn diễn biến phức tạp, nhất là ở những địa phương có nhiều dự án phải thu hồi đất.

2.2- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

*** Nguyên nhân khách quan:**

- Kinh tế thế giới và trong nước, giá cả hàng hóa có nhiều biến động; thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư phát triển còn hạn chế, trong khi nhu cầu vốn của tỉnh để phục vụ công tác GPMB, đầu tư hạ tầng khung, hỗ trợ cơ chế chính sách của tỉnh rất lớn. Một số chủ trương, chính sách của tỉnh đang tổ chức triển khai thực hiện là những vấn đề mới, chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể của Trung ương (*tích tụ ruộng đất; tư nhân hóa dịch vụ công;...*).

- Các quy định chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội thường xuyên thay đổi, có nội dung chưa đồng bộ, thiếu cụ thể, chưa phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho tổ chức thực hiện, như chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai, tín dụng; một số văn bản, quy định ngành dọc của các bộ, ngành Trung ương về công tác tổ chức cán bộ (*tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch, ..*),...

- Do đặc điểm tự nhiên về đất đai, thổ nhưỡng của tỉnh như diện tích đất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún; điều kiện thổ nhưỡng không thuận lợi, nguồn nước các dòng sông ảnh hưởng lớn bởi ô nhiễm trong khu vực, nhất là từ Hà Nội, nên khó khăn trong tạo vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đủ lớn để tạo khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn, ổn định, có chất lượng cao, ảnh hưởng đến việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư lớn về liên kết chuỗi, sản xuất, chế biến; đặc điểm địa tầng yếu gây khó khăn trong thu hút doanh nghiệp công nghiệp chế tạo có độ chính xác cao,...

- Tổng cục Thống kê chậm công bố các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội do vậy làm hạn chế trong việc lượng hoá các mục tiêu của tỉnh.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng có lúc, có việc chưa trọng tâm, quyết liệt: Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết, chủ trương, kết luận của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ của một số cấp uỷ, ở một số địa phương, đơn vị còn chưa sát sao, quyết liệt; thực hiện chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện các Nghị quyết Trung ương khoá

XII, thực hiện các khâu đột phá được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX kết quả chưa rõ nét, còn nội dung chưa đảm bảo tiến độ. Công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành, chính quyền cơ sở còn có mặt hạn chế, chưa thực sự hiệu quả.

- Việc thực hiện quy chế làm việc của cấp uỷ, tổ chức đảng có nội dung, có thời điểm còn hạn chế. Cho chủ trương, tham mưu cho chủ trương thực hiện một số dự án, công trình trọng điểm có mặt còn hạn chế, chưa đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, việc đôn đốc, kiểm tra thực hiện một số dự án lớn, trọng điểm có lúc, có việc chưa sâu sát, quyết liệt; trong quá trình thực hiện thu hút đầu tư, do khuyến khích doanh nghiệp nên một số quy trình, thủ tục đầu tư chưa đảm bảo đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức đến việc thẩm định năng lực của nhà đầu tư.

- Năng lực tổ chức, thực hiện, trách nhiệm của một số người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, lãnh đạo một số địa phương, đơn vị còn có mặt hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một số người đứng đầu còn chưa sát việc, thiếu quyết liệt, chưa chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao, nhất là đối với các nhiệm vụ, chủ trương mới, khó. Một số tồn tại, hạn chế trên một số lĩnh vực đã được chỉ ra, rút kinh nghiệm song chưa được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các giải pháp khắc phục, giải quyết một cách hiệu quả.

- Công tác tham mưu cho cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, sơ, tổng kết thực hiện các nghị quyết chuyên đề, các chủ trương, kết luận của cấp uỷ; tham mưu giúp cấp uỷ quyết định, xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số vấn đề mới về phát triển kinh tế - xã hội của một số cấp uỷ, ban, sở, ngành còn thiếu chủ động, chưa kịp thời, chất lượng tham mưu còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương, các đơn vị trong triển khai, tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ còn chưa kịp thời, chưa chặt chẽ, linh hoạt, hiệu quả; còn tình trạng chưa phân định rõ trách nhiệm trong thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa cấp với cấp, cấp với địa phương, đơn vị. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, nhất là về thủ tục hành chính còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; một số chỉ tiêu, mục tiêu về cải cách hành chính đạt thấp.

- Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, chức năng nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị còn chồng chéo, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Trình độ, năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Công tác dự báo có mặt chưa sát tình hình, một số chỉ tiêu nhiệm vụ đặt ra thiếu điều kiện đảm bảo có tính khả thi, chưa dự tính dự báo được yếu tố tác động đến thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu do khách quan. Cụ thể như việc xây dựng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dựa trên số ước do Cục thống kê tỉnh chưa sát với số liệu do Tổng cục Thống kê công bố nên dẫn đến sai số.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
TRỌNG TÂM NỬA NHIỆM KỲ CÒN LẠI ĐỂ HOÀN THÀNH
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX

Những năm tới, bên cạnh những yếu tố thuận lợi: Đảng, Chính phủ tiếp tục có nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế; dự báo kinh tế trong nước, trong tỉnh tiếp tục tăng trưởng ổn định,...; dự báo còn nhiều khó khăn, yếu tố khó lường tác động đến kết quả thực hiện Nghị quyết như: tình hình an ninh chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và trong nước còn nhiều biến động, tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường; sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong khi chủ nghĩa bảo hộ thương mại có xu hướng gia tăng; nguồn lực đầu tư phát triển, nhất là vốn đầu tư công còn khó khăn; biến đổi khí hậu, thời tiết, dịch bệnh diễn biến khó lường; kết quả nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh lần thứ XIX có một số chỉ tiêu chủ yếu đạt thấp. Do đó, nhiệm vụ đặt ra đối với toàn Đảng bộ trong nửa nhiệm kỳ còn lại rất nặng nề, đòi hỏi các cấp, các ngành trong toàn tỉnh nỗ lực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, tập trung cao độ phấn đấu thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

I- Phương hướng, mục tiêu

1- Phương hướng

Kiên định phương hướng, mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Đó là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đoàn kết, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, với quan điểm ổn định là tiền đề, đổi mới là động lực phát triển, phát triển là mục tiêu, nền tảng và then chốt để giải quyết mọi vấn đề; tăng cường hiệu lực, hiệu quả của chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Đổi mới định hướng đầu tư và mô hình tăng trưởng, trọng tâm là công nghiệp hóa nông nghiệp; mở rộng liên kết, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, khai thác tối đa mọi tiềm năng, lợi thế để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh nền kinh tế. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là dân cư nông thôn.

Tăng cường, giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh; tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí, xây dựng tỉnh Hà Nam phát triển nhanh và bền vững.

2- Mục tiêu

Phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra (*Phụ lục 1 kèm theo*).

II- Những nhiệm vụ trọng tâm

1- Về phát triển kinh tế

1.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp theo hướng hiện đại; tập trung phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho nông dân.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kết luận số 92-KL/TU, ngày 20/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công nghiệp hoá nông nghiệp, tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, nông thôn tinh giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035. Chú trọng cụ thể hóa Quy hoạch phát triển nông nghiệp tinh phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương theo hướng quy hoạch vùng sản xuất đủ lớn về diện tích để tạo khối lượng sản phẩm hàng hoá; đẩy mạnh thu hút đầu tư và thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển chuỗi liên kết giá trị trong tất cả các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi. Chú trọng lựa chọn một số giống cây trồng, vật nuôi đặc sản, có giá trị kinh tế, phù hợp với từng vùng để phát triển. Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ Dự án Trang trại chăn nuôi bò sữa của Công ty Vinamilk tại xã Thanh Nguyên. Phát triển chăn nuôi lợn ổn định; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò sữa, bò thịt, bò sinh sản và đàn gia cầm. Phân đầu đến 2020, quy mô đàn lợn đạt 500 nghìn con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 74.060 tấn; đàn gia cầm đạt 7,2 triệu con, sản lượng gia cầm hơi xuất chuồng đạt 18.400 tấn.

Huy động mọi nguồn lực tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới; chú trọng các tiêu chí về cải thiện môi trường sống, nâng cao thu nhập cho người dân. Phân đầu đến năm 2020, 6 huyện, thành phố và 100% số xã toàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, vượt mục tiêu Đại hội.

1.2. Duy trì tốc độ tăng trưởng cao của ngành công nghiệp, tập trung phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo

Tập trung chỉ đạo thực hiện Kết luận số 87-KL/TU, ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 04 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững giai đoạn 2016-2025.

Thực hiện hiệu quả chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, thu hút đầu tư; lựa chọn, tiếp nhận các dự án đầu tư đảm bảo đúng các định hướng của tỉnh. Hoàn thành giải phóng mặt bằng, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng, dịch vụ để thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp theo quy hoạch; phân đầu đến năm 2020: lấp đầy 100% Khu công nghiệp Hòa Mạc, Khu công nghiệp Châu Sơn, Khu công nghiệp Đồng Văn III (giai đoạn I). Triển khai mở rộng các KCN Đồng Văn I, III, IV; đầu tư KCN Thái Hà; xây dựng KCN Thanh Liêm...

Ổn định công suất xi măng theo quy hoạch, công suất khai thác đá để đảm bảo môi trường; phát triển hợp lý về quy mô, công suất các sản phẩm công nghiệp vật liệu xây dựng không nung, cấu kiện bê tông. Duy trì phát triển làng nghề và chú trọng xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

Thực hiện nghiêm túc 10 cam kết của tỉnh đối với nhà đầu tư. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư, đảm bảo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tư nhân hóa dịch vụ công, xã hội hóa... để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.3. Thu hút, phát triển mạnh các lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Tập trung chỉ đạo thực hiện Kết luận số 97-KL/TU, ngày 17/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về y tế, đào tạo nguồn nhân lực và du lịch giai đoạn 2016-2025.

Tiếp tục tạo các điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn, đơn đốc tiến độ các dự án trọng điểm của tỉnh về thương mại dịch vụ, nhất là các dự án tại Khu Y tế chất lượng cao, Khu Đại học Nam Cao, Khu Du lịch Tam Chúc. Tích cực thu hút, tạo cơ chế chính sách thuận lợi thu hút các dự án khu thương mại, dịch vụ cao cấp, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, các bệnh viện, trường đại học trong và ngoài nước,... về đầu tư tại tỉnh.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước và các Nghị quyết chuyên đề của tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin truyền thông, vận tải, điện, nước phục vụ tốt các nhu cầu đa dạng của công tác quản lý, sản xuất và đời sống nhân dân. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi phát triển nhà ở và các thiết chế y tế, giáo dục đáp ứng nhu cầu của công nhân tại các khu công nghiệp.

1.4. Tăng cường quản lý nguồn thu, chống thất thu

Tập trung quản lý hiệu quả nguồn thu, chống thất thu, nhất là trong một số lĩnh vực như khoáng sản, xăng dầu, thuế thu nhập doanh nghiệp, chuyển giá..., hạn chế nợ đọng ngân sách; thường xuyên rà soát các cơ sở, căn cứ thu để điều chỉnh kịp thời phù hợp. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm khai thác hiệu quả nguồn thu từ các lĩnh vực kinh tế đi đôi với việc tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đóng góp nhiều cho ngân sách để nuôi dưỡng nguồn thu. Đến 2020, thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn phấn đấu đạt 8.200 ÷ 8.500 tỷ đồng; đảm bảo mục tiêu cân đối thu chi ngân sách.

Thực hiện nghiêm quy định trong chi tiêu ngân sách, sử dụng đúng mục đích, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ sự nghiệp công.

1.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường.

Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, thực hiện các giải pháp để giải quyết có hiệu quả vấn đề xử lý rác thải, chất thải chăn nuôi, môi trường khu, cụm công nghiệp, kiểm soát khối lượng khoáng sản khai thác..., đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường Tây Đáy. Tăng cường kiểm tra, kịp thời

phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm. Quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản; thực hiện việc cấp phép khai thác tài nguyên, khoáng sản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

1.6. Tiếp tục củng cố phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, xây dựng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại. Tập trung GPMB, đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các dự án, đặc biệt là dự án lớn, dự án hoàn thành trong giai đoạn đến 2020. Tiếp tục đẩy nhanh chương trình phát triển thành phố Phủ Lý, thực hiện các nội dung chỉ đạo tại Kết luận số 93-KL/TU, ngày 25/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 30/6/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Phủ Lý đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phấn đấu năm 2018 thành phố Phủ Lý được công nhận là đô thị loại II; đến 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%, diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 27 m²/người.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, thực hiện đa dạng hóa các hình thức đầu tư. Tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn đảm bảo hiệu quả, đúng quy định. Tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng đầu tư kém hiệu quả, dàn trải, thất thoát, lãng phí, chậm tiến độ. Chú trọng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài.

1.7. Về cải cách hành chính

Tiếp tục lãnh đạo chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 23/9/2016 của Tỉnh ủy, Kết luận số 96-KL/TU, ngày 09/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra; trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng và trách nhiệm cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Đa dạng hóa công tác tuyên truyền về cải cách hành chính. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, tự kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục vận hành hiệu quả Trung tâm Hành chính công của tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp huyện, cấp xã; tạo chuyển biến rõ nét về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, loại bỏ những thủ tục không cần thiết, không phù hợp, bảo đảm 100% thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền được chuẩn hóa.

2- Về văn hóa - xã hội

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Nam đáp ứng yêu cầu phát triển. Thực hiện có hiệu quả, chất lượng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, nếp sống văn hóa công sở, đơn vị, cộng đồng dân cư và nơi công cộng. Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện thể dục, thể thao.

Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phần đầu năm 2020, 90,5% trạm y tế xã, phường có bác sỹ, 100% xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Quan tâm đầu tư trang bị cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các tuyến.

Tiếp tục giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững chất lượng giáo dục phổ thông ở thứ hạng cao trong top 10 tỉnh dẫn đầu toàn quốc. Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn Quốc gia; phần đầu đến năm 2020, 88,2% trường mầm non, 89% trường trung học cơ sở, 74% trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia; mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 trường trung học cơ sở chất lượng cao.

Chú trọng nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề, liên kết, hợp tác với trường quốc tế, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Quan tâm giải quyết việc làm, phần đầu giải quyết việc làm mới khoảng 16.000 lao động/năm trong giai đoạn 2019-2020.

Duy trì thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phần đầu hoàn thành mục tiêu hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng người có công, hộ nghèo trong năm 2020. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Phần đầu đến 2020, 91% dân số trên địa bàn tỉnh tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn dưới 3%.

3- Công tác quốc phòng, an ninh; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Nâng cao năng lực lãnh đạo của các ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Chỉ đạo tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, một số sở, ngành và diễn tập chiến đấu trị an cấp xã, phường, thị trấn. Nâng cao chất lượng chính trị, trình độ chuyên môn, khả năng và sức mạnh chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới. Chỉ đạo tăng cường đảm bảo an ninh trên các lĩnh vực; quản lý chặt chẽ, đấu tranh ngăn chặn hoạt động chống phá của đối tượng phản động, chống đối chính trị; tập trung giải quyết những vụ việc liên quan đến tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tập trung đấu tranh triệt xóa các tụ điểm, ổ nhóm tội phạm hình sự, ma túy, tội phạm kinh tế, tham nhũng và các loại tội phạm gây bức xúc trong nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo đúng pháp luật, đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ trọng án và các vụ án dư luận xã hội quan tâm, không để xảy

ra oan sai, sót lọt tội phạm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; kiểm chế, làm giảm tai nạn giao thông, không để xảy ra ùn tắc giao thông nghiêm trọng.

Thực hiện tốt công tác thanh tra, trọng tâm là thanh tra kinh tế xã hội. Đổi mới công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo nắm tình hình, chủ động phối hợp giữa các ngành các cấp, xử lý kịp thời các tình huống phức tạp về khiếu nại, tố cáo, nhất là khiếu kiện đông người; chủ động tiếp xúc, tăng cường đối thoại với công dân. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4- Công tác xây dựng đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân

4.1- Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt, triển khai, sơ tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức cho cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp. Nâng cao tính chiến đấu, sự nhạy bén, sức thuyết phục cao của công tác tuyên truyền; gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thực hiện tốt công tác dự báo tình hình, nắm bắt tư tưởng nhân dân; kịp thời định hướng dư luận trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Tăng cường quản lý hoạt động, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật; kiên quyết phê phán, đấu tranh phòng chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, tự diễn biến, tự chuyên hoá; đấu tranh phản bác có hiệu quả những luận điệu xuyên tạc, chống phá của thế lực thù địch.

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

4.2- Công tác tổ chức, cán bộ.

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 (khóa XII) đảm bảo tiến độ các nội dung theo Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy theo đúng quy định; khắc phục nghiêm túc, có hiệu quả tồn tại, hạn chế về công tác tổ chức cán bộ. Chú trọng hoàn thiện, ban hành tiêu chuẩn chức danh, bộ tiêu chí đánh giá, phân loại tập thể, cá nhân, đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; ban hành quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thực hiện bố trí bí thư cấp ủy, Chủ tịch UBND các cấp không là người địa phương; quan tâm luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Tiếp tục chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; làm tốt công tác phát triển đảng viên, nhất là đảng viên là công nhân, người lao động trực tiếp trong doanh nghiệp, khu công nghiệp. Tăng cường củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ

sở, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh theo hướng thực chất, sát với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; tập trung chỉ đạo khắc phục chi bộ yếu, kém. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thực hiện tốt việc thẩm định tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ đưa vào quy hoạch và nhân sự được xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử. Chuẩn bị tốt công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 tiến tới Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

4.3- Công tác kiểm tra, giám sát.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch về công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời bổ sung và triển khai có hiệu quả các cuộc kiểm tra, giám sát theo Chương trình của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm bảo trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và theo chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên, nhất là cấp uỷ viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý ở những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm. Chủ động kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm kiểm tra và hoạt động của UBKT các cấp. Tổ chức tốt việc sơ, tổng kết thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo định kỳ.

4.4- Công tác dân vận.

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện công tác dân vận theo tinh thần Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX; thực hiện có hiệu quả Quyết định 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư và Hướng dẫn số 17-HD/TU, ngày 12/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên và nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện tốt phương châm “Dân biết dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát”. Chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp thực hiện có hiệu quả “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”, trọng tâm là công tác dân vận của chính quyền. Nắm chắc tình hình tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tôn giáo trong tình hình mới và Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

4.5- Công tác nội chính.

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác nội chính và PCTN. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng; công khai kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; định kỳ sơ, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. Chỉ đạo tăng cường

phối hợp giữa các cấp, các ngành nhất là các cơ quan nội chính trong việc nắm tình hình, xử lý kịp thời những vụ việc phát sinh. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử thi hành án, đảm bảo đúng pháp luật. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, tăng cường phát hiện, xử lý vi phạm, tội phạm về tham nhũng. Thực hiện nghiêm việc khắc phục những tồn tại hạn chế theo kiến nghị của Đoàn công tác số 2 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng.

4.6- Lãnh đạo công tác chính quyền

Tiếp tục chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND các cấp, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện. Kịp thời thể chế hoá pháp luật, quy định của Nhà nước trên cơ sở bám sát văn bản Trung ương, phù hợp với điều kiện của tỉnh, nhất là văn bản liên quan đến thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả các đơn vị sự nghiệp đảm bảo đúng lộ trình; thực hiện tinh giản biên chế, gắn với tập trung xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hoá, rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là trong cung cấp dịch vụ công; nâng cao chất lượng, trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trọng tâm là cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong các cơ quan, tổ chức.

4.7- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân; củng cố và phát huy vai trò tập hợp, vận động đoàn kết toàn dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền và nhân dân; tập trung hướng về cơ sở, lấy đoàn viên, hội viên làm trung tâm. Làm tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua và chương trình hành động theo chức năng, nhiệm vụ của MTTQ và các tổ chức hội, đoàn thể; kịp thời biểu dương và nhân rộng các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định 217, 218 của Bộ Chính trị khoá IX; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về việc giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Tăng cường và duy trì các hoạt động đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với nhân dân trên địa bàn, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, nhiệm kỳ 2018-2023 và Đại hội MTTQ các cấp, nhiệm kỳ 2019-2024.

III- Một số giải pháp chủ yếu

1- Quán triệt, thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, các Nghị quyết, quy định, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong đó, chú trọng việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ; Chi thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư khóa XI về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

2- Tập trung khắc phục có hiệu quả những tồn tại, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, trong đó, trọng tâm là:

- Các cấp uỷ đảng chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời, hiệu quả, bám sát cơ sở; kịp thời cập nhật, rà soát, bổ sung, sửa đổi Quy chế làm việc của cấp uỷ và chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện việc rà soát, sửa đổi quy chế làm việc theo đúng quy định và sát thực tiễn. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ trong theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở các địa phương, ngành, lĩnh vực phụ trách; thực hiện đánh giá cán bộ gắn chặt với kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, quan tâm chỉ đạo việc tổng kết thực tiễn để kịp thời rút kinh nghiệm, có chủ trương phù hợp, sát thực tiễn.

- Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền; UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương chú trọng đổi mới, nâng cao năng lực tổ chức, thực hiện; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, tính chủ động, tích cực, chất lượng công tác tham mưu cho cấp uỷ, nhất là trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, các chủ trương, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ.

- Chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị; thực hiện chuẩn hoá các khâu trong công tác cán bộ từ tuyển dụng đến quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng, đánh giá cán bộ. Tiếp tục xây dựng cơ chế chính sách để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao làm việc tại tỉnh.

3- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các cơ chế, chính sách trên cơ sở cụ thể hoá, vận dụng linh hoạt các chủ trương, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của tỉnh, trong đó, tập trung thực hiện có hiệu quả các khâu đột phá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra.

4- Chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của đảng; tạo sự đồng thuận cao trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chính trị đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, } để báo cáo
- Văn phòng Trung ương Đảng, }
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, Ban cán sự đảng, Đảng Đoàn,
- Văn phòng Tỉnh ủy:
- + Lãnh đạo VP,
- + Phòng TH,
- + Lưu Văn thư.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Đình Khang



**Phụ lục 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN 3 NĂM (2016 - 2018), DỰ KIẾN ĐẾN 2020
CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Tốc độ tăng trưởng	%									10,5-11	10	Vượt	Vượt
	<i>GRDP theo giá SS 2010</i>	<i>Triệu đồng</i>	22,156.9	25,952	29,198	32,364	35,909		43,450					
	Tốc độ tăng trưởng theo số liệu xây dựng Nghị quyết	%			31.78	10.84	11.00	17.46		14.42		10	Vượt	Vượt
	Tốc độ tăng trưởng theo số liệu thực tế công bố	%			12.50	10.84	11.00	11.43		10.86		10	Vượt	Vượt
2	GDRP bình quân đầu người	Triệu đồng	42.4	40.5					65.4			80.9		
	Theo cách tính thời điểm xây dựng NQ (chỉ số giá tăng 4,6%/năm)	Triệu đồng		40.5	47.58	55.02	63.68	-	83.85	-		80.9	Chưa đạt	Vượt
	Theo cách tính thực tế (chỉ số giá giảm 1%/năm)	Triệu đồng		40.5	44.8	48.6	53.9	-	65.4	-			Chưa đạt	Không đạt
3	Cơ cấu kinh tế	%	100	100	100	100	100	-	100	-		100	Chưa đạt	Đạt
	- <i>Nông nghiệp</i>	%	12.6	13	12.6	10.6	9.7	-	8.7	-		9.1		
	- <i>Công nghiệp, xây dựng</i>	%	58.3	58.6	58.7	59.7	61.4	-	62	-		59.3		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	- Dịch vụ	%	29.1	28.4	28.7	29.7	28.9	-	29.3	-		31.6		
4	Thu cân đối ngân sách	Tỷ đồng	3464	3464	4692.3	6254.7	7209.4	-	8527			7040	Vượt	Vượt
	Tăng thu NS tăng bình quân/năm	%	12.8	12.8	35.46	33.30	15.26	27.7		19.7	19.7	15%/năm	Vượt	Vượt
5	Giá trị SX công nghiệp (Giá SS2010)	Tỷ đồng	41,854	59,747.8	68,789	78,613.9	89,541.1		110,000			Năm 2020 đạt 84.500	Vượt	Vượt
	Tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp theo số liệu xây dựng Nghị quyết	%			64.4	14.3	13.9	28.9		21.30		15.1	Vượt	Vượt
	Tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp theo số liệu chính thức công bố	%			15.1	14.3	13.9	14.4		13.00		15.1	không đạt	không đạt
6	Tăng trưởng kim ngạch hàng hoá xuất khẩu tăng bình quân/năm	%	31	30.6	42.58	42.96	9.35	30.6		20		20%/năm	Vượt	Vượt
	Kim ngạch hàng hoá xuất khẩu	Triệu USD	1045.3	1031.9	1471.3	2103.3	2300		2600					
7	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu DV	Tỷ đồng	13870.1	14362	16713.1	19365	22300		29520.6				Đạt	Đạt
	Tốc độ tăng trưởng TMDV theo số liệu xây dựng NQ	%	14		20.50	15.87	15.16	17.15		16.3		15,5%/năm	Đạt	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tốc độ tăng trưởng TMDV theo số liệu chính thức công bố	%		14.5	16.37	15.87	15.16	15.80		15.5		15,5%/năm	Đạt	Đạt
8	Tổng vốn đầu tư phát triển thu hút	Tỷ đồng			GD 2016-2018 dự kiến đạt 122.600 tỷ đồng					5 năm đạt 190.000 - 195.000		5 năm đạt 177.200	Chưa đạt	Vượt
	<i>Trong đó: vốn đầu tư thực hiện</i>	<i>Tỷ đồng</i>	16865	16865	73323.3					5 năm đạt 145.323				
9	Năng suất lao động	Triệu đồng/người	73	70.03								năm 2020 đạt 140		
	Theo cách tính thời điểm xây dựng NQ (chỉ số giá tăng 4,6%/năm)	Triệu đồng/người		70.03	82.05	94.93	109.94		145.23			140	Chưa đạt	Vượt
	Theo cách tính thực tế (chỉ số giá giảm 1%/năm)	Triệu đồng/người	-	70.03	77.2	83.8	93.1		113			140	Chưa đạt	Không đạt
10	Số lao động được giải quyết việc làm mới/năm	người	16,715	16,715	18,339	18,923	16,250	17,837	16,000	17,102		16.000/năm	Vượt	Vượt
11	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%			3.2	3.2	3.2		3.2	3.2		năm 2020 đạt 3,3%	Vượt	Vượt
12	Giảm tỷ lệ sinh	%	0.24	0.24	0.13	0.11	0.1	0.11	0.08	0.1		0,1%/năm	Đạt	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	13	13	12.4	11.8	11.2		10			năm 2020 còn 10%	Đạt	Đạt
14	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	6.16		6.6	6.7	6.97		10.87			năm 2020 đạt 14.3	Không đạt	Không đạt
	Số bác sỹ các bệnh viện của tỉnh/1 vạn dân		6.16		6.6	6.7	6.97		7.27			7,2	Chưa đạt	Đạt
	Số bác sỹ các bệnh viện Trung ương/ 1 vạn dân		0		0	0			3.6			7.3-7.5	Không đạt	Không đạt
15	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh			19.5	21.8	21.8		33.78			năm 2020 đạt 43,3	Không đạt	Không đạt
	Số giường bệnh các bệnh viện của tỉnh/1 vạn dân				19.5	21.8	21.8		21.68			22.2	Xấp xỉ Đạt	Xấp xỉ Đạt
	Số giường bệnh các bệnh viện tuyến Trung ương/1 vạn dân				0	0	0		12.1			21.1	Không đạt	Không đạt
16	Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn	%	8.5	5.81	4.24	3.28	3.14		2.84				Chưa đạt	Đạt
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân/năm	%			1.57	0.96	0.14	0.89	0.1	0,59%	0,59%	1,3%/năm	Không đạt	Không đạt
17	Tỷ lệ dân số có bảo hiểm y tế	%	70.5	70.5	76.6	84.7	87.5		91			năm 2020 đạt 82%	Vượt	Vượt
18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	55	45	57	59	63		70			năm 2020 đạt 70%	Chưa đạt	Đạt

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<i>Tr.đó: qua đào tạo nghề có chứng chỉ bằng cấp</i>	%	45	45	47	49	51		55			năm 2020 đạt 55%	Chưa đạt	Đạt
19	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%			87	88.38	88		>87			>87	Vượt	Vượt
20	Tỷ lệ hộ dân được dùng nước sạch, nước hợp VS													
	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%			93	94	95		100			năm 2020 đạt 100%	Chưa đạt	Đạt
	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh	%	90	90	91.1	93.5	94.3		95			năm 2020 đạt 95%	Chưa đạt	Đạt
	+ Trong đó: sử dụng nước sạch	%			43.2	50	53		69.2			năm 2020 đạt 80%	Chưa đạt	Chưa đạt
21	Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải												Đạt	Đạt
	Tỷ lệ thu gom rác thải ở thành thị	%	100	100	100	100	100		100			năm 2020 đạt 100%		
	<i>Trong đó: được xử lý</i>	%			95	100	100		100			năm 2020 đạt 90-95%		
	Tỷ lệ thu gom rác thải ở nông thôn	%	85	85	90	95	97		95			năm 2020 đạt 95%		
	<i>Trong đó: được xử lý</i>	%			70	75	80		80			năm 2020 đạt 70-80%		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
					6	7	8						9	10
22	Tỷ lệ các cụm công nghiệp - TTCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung.	%	0	0	5.9	6.3	11.8		50			năm 2020 đạt 50%	Chưa đạt	Đạt
23	GTSX nông, lâm nghiệp, thủy sản (Giá SS2010)	Tỷ đồng	7241	7517.1	7885	7644.4	7758.4		8391.4			8835	Chưa đạt	Đạt
	Tốc độ tăng Giá trị SX nông, lâm nghiệp, thủy sản theo số liệu xây dựng NQ	%	3.66		8.89	-3.10	1.50	2.30		3		4	Không đạt	Không đạt
	Tốc độ tăng Giá trị SX nông, lâm nghiệp, thủy sản theo số liệu công bố	%		3.8	4.90	-3.10	1.50	1.10		2.2	2.2	4	Không đạt	Không đạt
24	Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động XH	%	46.6	46.6	42.8	40.5	39		<30			<30	Chưa đạt	Đạt
25	Xây dựng nông thôn mới												Chưa đạt	Vượt
	Số huyện, TP đạt chuẩn NTM, hoàn thành nhiệm vụ XDNTM đến cuối năm 2020	huyện, TP	0	0	0	2	4		6			≥3	Chưa đạt	Vượt
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến cuối năm 2020	xã	33	33	59	78	>85		98			≥65	Vượt	Vượt
26	Tỷ lệ đô thị hóa	%			23.1	26.1	36.8		40			35	Vượt	Vượt
27	Diện tích nhà ở bình quân	m2/người			22.7	23.5	26.54		27			25	Vượt	Vượt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu gốc 2015 khi XD Nghị quyết	Số liệu 2015 do TCTK, tỉnh công bố	Thực hiện các năm			Bình quân 2016-2018	Dự kiến thực hiện đến năm 2020	Dự kiến bình quân 5 năm (2016-2020)	Đề xuất mục tiêu	Chỉ tiêu ĐH Đảng	So sánh với mục tiêu Nghị quyết	
					2016	2017	Ước cả năm 2018						Hết năm 2018	Hết năm 2020
					1	2	3						4	5
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
28	Giảm tai nạn giao thông bình quân	%	>5	>5	>5	>5	>5	>5	>5			>5/năm	Đạt	Đạt
29	Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh	%			82.84	68.9	<80	<80				>80	không đạt	không đạt
Tổng cộng:		Hết năm 2018, có 14/29 chỉ tiêu hoàn thành mục tiêu Nghị quyết; 15 chỉ tiêu chưa hoàn thành												
		Hết năm 2020: Theo giá trị năm gốc và cách tính khi xây dựng Nghị quyết; có 25/29 chỉ tiêu sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mục tiêu Nghị quyết (các chỉ tiêu không đạt: số Bác sỹ, số giường bệnh trên 1 vạn dân; tốc độ tăng trưởng GTSX nông nghiệp bình quân, tổ chức cơ sở đảng TSVM)												



Phụ lục 2:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU CỦA TỈNH ỦY

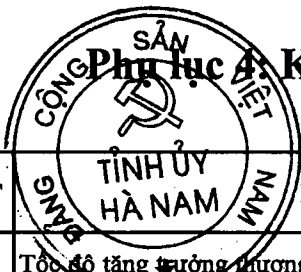
STT	Mục tiêu đến năm 2020	Ước kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018	Dự kiến kết quả thực hiện so với mục tiêu của Nghị quyết số 05-NQ/TU
1	Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 4%/năm (số liệu ban đầu), hay 3,3%/năm (số liệu sau khi điều chỉnh giá trị gốc của giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2015)	1,1%/năm	Không đạt mục tiêu (dự kiến đạt 2-2,5%)
2	Cơ cấu nội bộ ngành năm 2020: Trồng trọt - lâm nghiệp 39%; chăn nuôi - thủy sản 54%; dịch vụ 7%	Năm 2018: Trồng trọt - lâm nghiệp: 41%; chăn nuôi - thủy sản đạt 50,7%; dịch vụ nông nghiệp 8,3%.	Hoàn thành vượt mục tiêu
3	Cơ giới hóa trong sản xuất năm 2020: làm đất đạt 100%, thu hoạch 50%; gieo trồng 60%; bảo quản chế biến 20%	Tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu làm đất đạt 100%, hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết số 05; khâu thu hoạch đạt 80%; tỷ lệ cơ giới hóa trong gieo trồng đạt 40%; tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu bảo quản chế biến đạt 5%.	Hoàn thành vượt mục tiêu.
4	Giá trị sản xuất/ha canh tác đến năm 2020 đạt 250 triệu đồng/ha/năm; trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 1.500 triệu đồng/ha/năm	- Giá trị sản phẩm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2017 trên 1 ha canh tác đạt 98,9 triệu đồng/ha, tăng 6,2 triệu đồng so với năm 2015, bằng 39,6% mục tiêu Nghị quyết. - Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác trong các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu sản xuất ngoài trời đạt từ 1.200 - 1.600 triệu đồng/ha/năm, khu trong nhà kính đạt từ 2.500 - 3.000 triệu đồng/ha/năm.	Hoàn thành vượt mục tiêu.
5	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2020: 52 triệu đồng/người/năm	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2017 đạt 33,3 triệu đồng/người/năm, tăng 5,1 triệu đồng so với năm 2015, bằng 64% mục tiêu Nghị quyết.	Phần đầu đạt mục tiêu
6	Lao động nông nghiệp đến năm 2020 dưới 30%	Tỷ lệ lao động nông nghiệp năm 2018 giảm còn 36,1%.	Phần đầu đạt mục tiêu



Phụ lục 3:

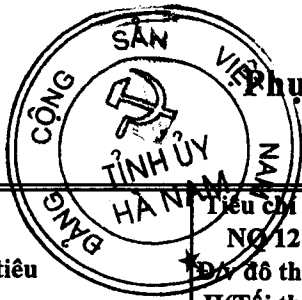
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ SỐ 04-NQ/TU CỦA TỈNH ỦY

TT	Nội dung, mục tiêu	Kết quả năm 2018	Dự kiến kết quả năm 2020
1	Giá trị SXCN hỗ trợ đến năm 2020 đạt trên 20.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 25% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp	Ước đạt 19.362 tỷ đồng chiếm 21,6% GTSXCN toàn tỉnh	Hoàn thành vượt chỉ tiêu Nghị quyết (tỷ trọng trên 25%)
2	Giá trị SXCN chế biến năm 2020 ước đạt trên 14.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,3% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp	Ước đạt 11.061 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 13,2% GTSXCN toàn tỉnh	Phần đầu đạt chỉ tiêu NQ
3	Giá trị sản SXCN chế tạo, lắp ráp, đến năm 2020 đạt trên 15.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,5% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp	Ước đạt 13.968 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 15,6% GTSXCN toàn tỉnh	Phần đầu đạt chỉ tiêu NQ
4	Giá trị sản xuất trong các KCN đến năm 2020 chiếm 74% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 17,4%	Ước đạt 70.000 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 78,6% giá trị SXCN toàn tỉnh, tăng trưởng bình quân 2016-2018 đạt 32,9%/năm	Hoàn thành vượt chỉ tiêu nghị quyết (tỷ trọng GTSXCN chiếm trên 74%)



KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 07-NQ/TU CỦA TỈNH ỦY VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TT	Mục Tiêu	Kết quả thực hiện 1/2 nhiệm kỳ (2016-2018)	Dự kiến kết quả thực hiện so với mục tiêu của Nghị quyết số 07-NQ/TU
1	Tốc độ tăng trưởng thương mại - dịch vụ giai đoạn 2016-2020 đạt 10% trở lên (SS2010).	Tăng trưởng bình quân 2016-2018 đạt 9,2%/năm	Vượt mục tiêu
2	Đến 2020, cơ cấu thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng 31,6%	Đến 2018 cơ cấu dịch vụ thương mại chiếm 29%	Không đạt mục tiêu (Đến 2020, cơ cấu thương mại - dịch vụ dự kiến chiếm tỷ trọng 29,3-30%)
3	Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2016-2020 đạt tốc độ tăng trưởng 15,5%/năm, giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 17%/năm	Đến 2018 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15,8%/năm	Đạt mục tiêu.
4	Giá trị xuất khẩu tăng bình quân 20%/năm. Đến 2020 phần đầu kim ngạch đạt 2,5 tỷ USD/năm. Đến 2025 đạt trên 5 tỷ USD/năm	Giá trị xuất khẩu tăng bình quân 26,1%/năm. Đến 2018 kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 2,3 tỷ USD	Vượt mục tiêu.
5	Tăng trưởng tín dụng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 20%/năm và trên 20%/năm trong những năm tiếp theo	Tăng trưởng tín dụng bình quân giai đoạn 2016-2018 đạt 25,05%/năm	Đạt mục tiêu.
6	Đến 2020 có thêm 5 trường Đại học đi vào hoạt động với khoảng 3-5 vạn sinh viên; đến 2025 có tất cả 10-12 trường đi vào hoạt động với khoảng 9-12 vạn sinh viên.	Đến 2018 có 7500 sinh viên tại các trường Đại học; 2016-2018 có thêm 02 trường Đại học đi vào hoạt động (Cơ sở II Đại học Sư phạm Hà Nội, cơ sở II Đại học Thương mại Hà Nội)	Không đạt mục tiêu.
7	Đến 2020 có từ 3000-3500 giường bệnh ở khu TTYT chất lượng cao và đến 2025 có 7-10 bệnh viện với khoảng 4.500-5000 giường bệnh	Chưa có bệnh viện đi vào hoạt động trong Khu TTYT chất lượng cao. Dự kiến cuối 2018 phòng khám Bệnh viện Bạch Mai đi vào hoạt động; năm 2019, 2 bệnh viện sẽ đi vào hoạt động giai đoạn 1.	Không đạt mục tiêu
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo: đến 2020 đạt ≥70% (trong đó qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đạt 55%).	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2018 đạt 63 %, trong đó đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đạt 51%	Đạt mục tiêu.
9	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu du lịch Tam Chúc để đến 2020 đón 1,8 triệu lượt khách du lịch, nâng tổng số khách DL trên địa bàn đạt 2,5 triệu lượt/năm; Doanh thu dịch vụ du lịch tăng bình quân 20-25%.	Đến 2018 đón khách du lịch, hiện nay khách chủ yếu đến tham quan chưa có các khu dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách du lịch; Đến năm 2018 có khoảng 1118 nghìn lượt khách du lịch, tổng doanh thu du lịch đạt 255 tỷ đồng	Phần đầu hoàn thành mục tiêu.
10	Đến 2017 đưa vào vận hành khai thác các dự án: Tổ hợp thương mại dịch vụ Vincom, Khách sạn Mường Thanh, Trung tâm dịch vụ y tế HJC, sân Golf Kim Bảng, sân Golf Tượng Lĩnh. Đến 2020 và các năm tiếp theo thu hút tiếp tục thu hút phát triển các công trình thương mại như khách sạn, nhà hàng lớn tại khu vực nút giao Liêm Tuyên, Đồng Văn; Cảng ICD, sân Golf Đồi Con Phượng	Đưa vào khai thác vận hành Dự án Khách sạn Mường Thanh; Tổ hợp thương mại dịch vụ tổng hợp (Vincom Hà Nam), Sân golf Kim Bảng, Trung tâm thương mại tổng hợp tại phường Liêm Chính...	Phần đầu hoàn thành mục tiêu.



Phụ lục 5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 06 CỦA TỈNH ỦY VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ

STT	Chỉ tiêu	Tiêu chí theo Nghị quyết 1210 Đô thị loại II (Tối thiểu - Tối đa)	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Ước thực hiện 2018	Tốc độ tăng bình quân 2016-2018 (%)	Ước TH 2 năm 2019, 2020		KH đến năm 2020 theo chỉ tiêu Đại hội	So sánh ước TH 2018/Chỉ tiêu ĐH đến năm	So sánh ước TH 2020/ Chỉ tiêu ĐH đến năm	Ước tốc độ tăng bình quân 2019-	Ước tốc độ tăng bình quân ĐĐ 2016-2020
								Năm 2019	Năm 2020					
1	Tỷ lệ đô thị hoá		%	59.55	59.64	59.74		59.93	76.60	76.60				
2	Diện tích sàn nhà ở bình quân													
	- Đô thị	26,5 - 29,0	m ² sàn/người	30.63	32.41	34.28	5.79	35.02	36.14	29.30	117.00	123.34	3.20	4.23
	- Nông thôn		m ² sàn/người	22.10	23.40	24.90	6.15	26.10	27.70	27.70	89.89	100.00	6.13	5.81
3	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị	90 - 95	%	91.00	94.40	96.90		97.10	97.80	96.80				
4	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường đô >=11m)	7 - 10	km/km ²	7.05	7.12	7.26	1.48	7.74	8.40	8.40	86.43	100.00	8.53	4.52
5	Diện tích đất giao thông / dân số nội thị	11 - 13	m ² /người	22.60	25.30	28.40	12.10	30.10	31.20	26.10	108.81	119.54	3.65	8.46
6	Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị	4 - 4,5	km/km ²	4.50	5.07	6.8	23.39	7.76	9.70	9.70	70.10	100.00	25.00	21.48
7	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng	95 - 100	%	93.40	95.10	100.00		100.00	100.00	100.00				
8	Đất cây xanh đô thị	7 - 10	m ² /người	9.30	9.33	9.40	0.54	9.42	9.46	9.40	100.00	100.64	0.42	0.43
9	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị / tổng số đường chính khu vực nội thị	40 - 50	%	0	43.2	52.8		57.8	60.0	38.9				